**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I, NĂM HỌC: 2023- 2024**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | % tổng điểm |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| I. Phân môn Lịch Sử | | | | | | | | |
| 1 | | CHƯƠNG I . TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI | Bài 1.Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu | 2 |  |  | 1 | 10 % |
| Bài 2. Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu | 2 | 1 |  |  | 20 % |
| Bài 3. Phong trào văn hoá Phục hưng và cải cách tôn giáo | 1 |  |  |  | 2,5% |
| 2 | | CHƯƠNG II.TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI | Bài 4. Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | 2 |  | 1 |  | 15 % |
| Bài 5. Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | 1 |  |  |  | 2,5% |
| Tổng | | | | 8 | 1 | 1 | 1 | 11 |
| Tỉ lệ % nhận thức | | | | 20% | 15% | 10% | 5% | 50% |
| Tỉ lệ chung | | | | 35% | | 10% | 5% | 50% |
|  | | | | | | | | |

**II. Phân môn địa lí**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 1 | **CHÂU ÂU** | - Vị trí địa lí, hình dạng kích thước Châu Âu  - Đặc điểm tự nhiên  - Đặc điểm dân cư, xã hội  - Vấn đề bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu  - Khái quát về Liên minh châu Âu (EU) | 5TN |  |  |  |  | 1TL  2/3 |  |  | 22,5  % |
| 2 | **CHÂU Á** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  – Đặc điểm tự nhiên  – Đặc điểm dân cư, xã hội. | 3TN |  |  | 1TL 1,5 |  |  |  | 1TL  1/3 | 27,5% |
| **Tổng câu** | | | 8 | 0 | 0 | 1 | 0 | 2/3 | 0 | 1/3 | 10 |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **15%** | | **10%** | | **5%** | | 50% |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I, NĂM HỌC 2023- 2024**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **PHÂN MÔN LỊCH SỬ** | | | | | | | |
| 1 | CHƯƠNG I . TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI | Bài 1.Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu | **Nhận biết**  – Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.  – Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.  **Vận dụng cao**  – Tìm hiểu được một số dấu ấn tiêu biểu của thành thị trung đại còn được bảo tồn, giữ gìn và phát triển đến ngày nay. | 2 |  |  | 1 |
| Bài 2. Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu | **Thông hiểu**  – Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí  - Trình bày được sự biến đổi của xã hội Tây Âu.  **Vận dụng**  – Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới  **Vận dụng cao**  – Liên hệ được tác động của các cuộc phát kiến địa lí đến ngày nay. | 2 | 1 |  |  |
| Bài 3. Phong trào văn hoá Phục hưng và cải cách tôn giáo | **Nhận biết**  – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng, Nêu được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI  - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo  – Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo  – Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.  **Vận dụng**  – Nhận xét được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu | 1 |  |  |  |
| 2 | CHƯƠNGII.TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI | Bài 4. Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | **Nhận biết**  – Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường  **Thông hiểu**  – Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh  - Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)  **Vận dụng**  – Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).  **Vận dụng cao**  – Liên hệ được một số thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) có ảnh hưởng đến hiện nay | 2 |  | 1 |  |
| Bài 5. Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | **Nhận biết**  – Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ  – Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.  **Thông hiểu**  **-** Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX  **Vận dụng**  – Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | 1 |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **8** | 1 | 1 | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **35%** | | **15%** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |

**Phân môn địa lí**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **CHÂU ÂU** | - Vị trí địa lí, hình dạng kích thước Châu Âu  - Đặc điểm tự nhiên  - Đặc điểm dân cư, xã hội  - Vấn đề bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu  - Khái quát về Liên minh châu Âu (EU) | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  – Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga).  – Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa.  – Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.  **Thông hiểu**  – Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu: khu vực đồng bằng, khu vực miền núi.  – Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu: phân hóa bắc nam; các khu vực ven biển với bên trong lục địa.  – Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.  **Vận dụng**  – Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu. | 5TN |  | 1TL |  |
| 2 | **CHÂU Á** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  – Đặc điểm tự nhiên  – Đặc điểm dân cư, xã hội. | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  – Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  – Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á  **Thông hiểu**  – Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Vận dụng cao**  – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). | 3TN | 1TL |  | 1TL |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | **8** | **1** | **1** | **1** |
| **Tỉ Lệ** | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |

UBND HUYỆN MAI CHÂU **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2023- 2024**

**MÔN: LỊCH SỬ& ĐỊA LÍ 7**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

*Thời gian: 90 phút(không kể thời gian giao đề )*

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**(**4,0 điểm**)

**Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau**

**1. Phân môn Lịch sử (2,0 điểm)**

**Câu 1.** Đặc điểm nổi bật về kinh tế của lãnh địa phong kiến Tây Âu là gì ?

A. Mỗi lãnh địa là một cơ sở kinh tế đóng kín, tự cấp tự túc.

B. Mỗi lãnh địa có quân đội, luật pháp, toà án riêng,...

C. Trong lãnh địa có sự phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp.

D. Thường xuyên có sự trao đổi hàng hoá với bên ngoài lãnh địa.

**Câu2.**Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến Tây Âu là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Địa chủ và nông dân. | B. Chủ nô và nô lệ. |
| C. Lãnh chúa và nông nô. | D. Lãnh chúa và nông dân tự do. |

**Câu** **3.** Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở châu Âu được hình thành với những giai cấp cơ bản nào ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lãnh chúa và nông nô. | B. Địa chủ và nông dân tá điền. |
| C. Quý tộc và công nhân. | D. Tư sản và vô sản. |

**Câu 4.** Ý nào dưới đây **không phải** là **hệ quả tích cực** của các cuộc phát kiến địa lí từ thế kỉ XV ?

A. Thị trường thế giới được mở rộng, thương nghiệp phát triển.

B. Nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa và buôn bán nô lệ.

C. Là cuộc cách mạng thực sự trên lĩnh vực giao thông và tri thức.

D. Thúc đẩy sự khủng hoảng, tan rã của chế độ phong kiến.

**Câu 5.** M Xéc –van-téc là một nhà văn lớn của Tây Ban Nha với tác phẩm nổi tiếng nào ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Bữa tiệc cuối cùng | B. Đôn-ki-hô-tê | C. Hăm-lét | D.Ô-ten-lô |

**Câu 6.** Triều đại nào được coi là triều đại phát triển thịnh trị nhất trong lịch sử phong kiến Trung Quốc ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Nhà Đường. | B. Nhà Tống. | C. Nhà Minh. | D. Nhà Thanh. |

**Câu** **7.** Tôn giáo nào trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến Trung Quốc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Nho giáo. | B. Phât giáo. | C. Hồi giáo. | D.Ki tô giáo. |

**Câu** **8.** Thực hiện cải cách bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương chia đất nước thành 15 tỉnh.Đó là chính sách của vương triều nào của Ấn Độ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Gúp -ta. | B. Hồi giáo Đê-li. | C. Mô-gôn. | D.Hác-sa. |

**2.Phân môn địa lí**

**Câu 1**: Dãy núi ngăn cách giữa châu Âu với Châu Á là

1. Dãy An-Pơ C. Dãy Các –Pat
2. Dãy U- Ran D. Dãy Ban-căng

**Câu 2**: Con sông lớn NHẤT châu Âu là:

1. Sông Đa-nuyp C. Sông Von -Ga
2. Sông Rai-Nơ D. Sông Ô-bi

**Câu 3**: Địa hình châu Âu có đặc điểm gì?

1. Đồng bằng chiếm 2/3 diện tích châu lục C. Núi trẻ nằm ở vùng trung tâm
2. Khu vực núi già phân bố ở phía Nam D. 2/3 diện tích châu lục là đồi núi

**Câu 4**. Số dân của châu Âu năm 2020 là:

1. 4641,1 triệu người
2. 747 triệu người (không tính dân số Liên Bang Nga)
3. 747 triệu người(tính cả dân số Liên Bang Nga)
4. 447 triệu người(tính cả dân số Liên Bang Nga)

**Câu 5**. Liên minh châu Âu hiện có bao nhiêu quốc gia thành viên

1. 25 quốc gia C. 27 quốc gia
2. 26 quốc gia D. 28 quốc gia

**Câu 6**. Diện tích của châu Á là bao nhiêu

1. 44,4 triệu km² (kể cả các đảo)
2. 44,4 triệu Km² (không tính các đảo)
3. 40,4 triệu km² (kể cả các đảo)
4. 40,4 triệu km² (kể cả các đảo)

**Câu 7**: Châu Á có bao nhiêu đới khí hậu

1. 4 đới C. 6 đới
2. 5 đới D. 7 đới

**Câu 8**. Phật giáo ra đời tại đâu:

1. Ấn Độ C. Pa-le-xtin
2. Trung Quốc D. A-rập Xê-ut

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**1. Phân môn Lịch sử (3,0 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm).**Em hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí?

**Câu 2 (1,0 điểm )** Hãy lập sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).

**Câu 3 (0,5 điểm).** Cho biết một số dấu ấn tiêu biểu của thành thị trung đại (các thành phố cổ, trường đại học, …) còn được bảo tồn, giữ gìn và phát triển đến ngày nay ?

**2. Phân môn Địa lí (3,0 điểm)**

Câu 1: (1,5 điểm)

Nêu đặc điểm địa hình của châu Á và ý nghĩa của địa hình đối vói việc sử dụng và bảo vệ thiên nhiên?

Câu 2: (1 điểm)

Trình bày vấn đề bảo vệ môi trường không khí ở Châu Âu?

Câu 3: (0,5 điểm)

Dân số châu Á (Năm 2020)là 4641,1 triệu người, dân số thế giới là 7794,8 triệu người. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện tỉ lệ dân số châu Á so với thế giới.

**....................................Hết......................................**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG TH&THCS XÃ XĂM KHÒE**  ĐÁP ÁN CHÍNH THỨC | HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  NĂM HỌC 2023 - 2024  Môn: Lịch sử và Địa lí 7 |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**(**4,0 điểm**): Mỗi đáp án chọn đúng được 0,25 điểm

**1. Phân môn Lịch sử (2,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | **A** | **C** | **D** | **B** | **B** | **A** | **A** | **C** |

**2. Phân môn Địa lí (2,0điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | B | C | A | C | C | A | B | A |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm):**

**1. Phân môn Lịch sử (3,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1 (1,5 điểm)** Em hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí | |
| - Phát kiến địa lí đã để lại những hệ quả lớn lao cho loài người  - Mở ra con đường mới, tìm ra vùng đất mới, thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển.  - Đem về cho châu Âu khối lượng vàng, bạc, nguyên liệu, thúc đẩy nền sản xuất và thương nghiệp phát triển.  - Làm nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen và quá trình xâm chiếm, cướp bóc thuộc địa | 0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 2 (1,0 điểm)** Hãy lập sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh). | |
| *Học sinh có thể lập sơ đồ bằng nhiều hình thức khác nhau, song phải hướng đến trục thời gian sau:*  Nhà Đường (618-907) -> Nhà Tống (960-1279) -> Nhà Nguyên (1271-1368) -> Nhà Minh (1368-1644) -> Nhà Thanh (1644-1911) | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| Ví dụ: | |
| ***Câu 3****.Học sinh liệt kê được một số dấu ấn tiêu biểu của các thành thị trung đại còn được bảo tồn, giữ gìn và phát triển đến ngày nay.**Sau đây là một số gợi ý:* | 0,5 điểm |
| Một số dấu ấn tiêu biểu của thành thị Trung đại:  – Các thành phố: Phi-ren-xê (Italia), Bru-ge (Vương quốc Bỉ)…  – Các trường đại học: Bô-lô-na (Italia)..... | |

**2. Phân môn Địa lí (3,0điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu 1 | -Trung tâm: là vùng núi cao đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới.  -Phía bắc: Gồm các đồng bằng và các cao nguyên thấp, bằng phẳng.  -Phía đông: Địa hình thấp dần về phía biển, gồm các núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển.  -Phía nam và tây nam: Gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguyên và đồng bằng nằm xen kẽ. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Ý nghĩa: Địa hình núi cao hiểm trở chiếm tỉ lệ lớn gây khó khan cho giao thông, sane xuất và đời sống. Địa hình chia cắt mạnh nên cần lưu ý vấn đề chống sói mòn, sạt lở đất trong quá trình khai thác, sử dụng.  -Các khu vực cao nguyên, đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư. | 0,25  0,25 |
| Câu 2 | Nguyên nhân gây ô nhiễm: Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiêu thụ năng lượng, vận tải đường bộ. | 0,25 |
| Giải pháp  -Kiểm soát lượng khí thải trong khí quyển  -Đánh thuế các bon, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các nhiên liệu có hàm lượng các bon cao như dầu mỏ và khí tự nhiên, góp phần giảm phát thải khí C02 vào khí quyển.  -Đầu tư phát triển công nghệ xanh, sử dụng nặng lượng tái tạo để dần thay thế năng lượng hóa thạch.  -Giảm lượng xe lưu thông trong thành phố, ưu tiên giao thông công cộng, xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên cho người đi xe đạp và đi bộ. | 0,25  0,25  0,25 |
| Câu 3 | * Xử lí số liệu ra % * Vẽ biểu đồ tròn | 0,5 |

**.........................................Hết............... ............................**